

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HƯNG HÀ  
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25-4-2024

V/v: Ly hôn giữa

chị L, anh C.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ - TỈNH THÁI BÌNH

**- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Trác.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Luân

2. Bà Phạm Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiên - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 323/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXX-ST ngày 15 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Nơi ở hiện nay: Thôn Th, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định.

\* Bị đơn: Anh Trần Ngọc C, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Tạm trú: Số 1x/1xx Nguyễn Văn Q, phường Đ quận 1x, Thành phố Hồ Chí Minh

(Chị L có mặt; anh C có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh C kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 05/11/2019 tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do kinh tế khó khăn, vợ chồng cũng sống ly thân từ năm 2020 đến nay, nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh C. Về con chung: Chị và anh C không có con chung. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong bản tự khai ngày 13/3/2024, đơn đề nghị ngày 13/3/2023, bị đơn anh Trần Ngọc C trình bày:*

Chị và anh C kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 05/11/2019 tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, không có vấn đề gì xảy ra; đến ngày 17/9/2020, chị L tự ý bỏ nhà đi không có lý do, vợ chồng cũng sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng cũng không còn, anh nhất trí ly hôn với chị L. Về con chung: Anh và chị L không có con chung. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh nhất trí Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà giải quyết vụ án ly hôn giữa anh và chị L, do anh đang sinh sống, làm ăn tại Thành phố Hồ Chí Minh nên không về Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà giải quyết vụ án được, anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh tại phiên tòa sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Trần Ngọc C; về nuôi con chung: Chị L, anh C không có con chung. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Chị L phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Ngọc C. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên được xác định là “Tranh chấp ly hôn”. Anh C đăng ký nhân khẩu tại thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình, đang cư trú tại số: 1x/1xx Nguyễn Văn Q, phường Đ, quận 1x, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; chị L có mặt, anh C có đơn xin xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử xét xử có mặt chị L, vắng mặt anh C là đúng với khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị L, anh C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 05-11-2019 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2020 thì phát

sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do kinh tế khó khăn. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn; anh C cũng xác định tình cảm không còn, nhất trí ly hôn với chị L. Hội đồng xét xử thấy: Vợ chồng chị L, anh C mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị L được ly hôn anh C là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Chị L, anh C không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về chia tài sản: Chị L, anh C không yêu cầu giải quyết tài sản chung nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147; khoản 1 Điều 227; khoản 2 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Trần Ngọc C.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003531 ngày 08-11-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (chị L đã nộp đủ tiền án phí).

4. Quyền kháng cáo: Chị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Quang Trác**